

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/ HNGĐ - ST

Ngày 29/11/2018

V/V: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con “

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Long Biên

2/ Bà Quách Thị Tình

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên Tòa:* Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ch - Sinh năm: 1989

HKTT: Thôn Bông Bụt, xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt. (Chị Ch đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/11/2018)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K - sinh năm 1985

HKTT: Thôn Ngọc Lâu, xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 18 tháng 9 năm 2018 chị Bùi Thị Ch trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình K đến với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2008 tại UBND xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau nên hay xảy ra cãi vã bất hòa, luôn bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011

đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con cái: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 03/10/2008. Nguyên vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/10/2018 anh Nguyễn Đình K trình bày: Vợ chồng anh kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Trong thời gian 4 năm thì vợ anh đã bỏ nhà đi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ch xin ly hôn, anh cũng đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Ch được ly hôn nhau.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 03/10/2008. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai, không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh K không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh K. Anh K đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần, nhưng anh K đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tại phiên tòa hôm nay, chị Ch vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, điểm a khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch. Anh K đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

Theo ý kiến trình bày trong bản tự khai của hai bên đương sự và tại phiên tòa: Chị Ch và anh K thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhưng không thống nhất được về người trực tiếp nuôi con. Về vấn đề người trực tiếp nuôi con, cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ch được ly hôn anh K. Về con cái giao cháu Xuân Mai cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, anh Kiên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định.

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Đình K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2008 tại UBND xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9,10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng nhau về quan điểm và lối sống, hay xảy ra cãi vã bất hòa. Vợ chồng không thể khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được trưởng thôn Bông Bụt và UBND xã Thành Công xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh K đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh K đều không có mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ch được ly hôn anh K để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 03/10/2008. Cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế cháu Xuân Mai giới tính nữ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị Ch là người mẹ thiết tha xin được trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Mai. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của của chị Ch giao cháu Nguyễn Thị Xuân Mai cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng nhằm ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ là cần thiết và để anh K được quyền đi lại trông nom, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Ch không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị Ch và anh K không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 1, điểm a, b khoản 2 điều 227, điều 228, điều 238, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ch được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

2/ Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 03/10/2008 cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị Ch phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Ch đã nộp tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003434 ngày 14/9/2018. Chị Ch đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Đình K. Chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Đình K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Công;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Long Biên

Quách Thị Tình

Phạm Văn Hùng